HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC MA-RỐC

VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Ma-rốc, sau đây gọi là "các Bên ký kết";

- Mong muốn tăng cường hợp tác kinh tế thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư của các nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

- Nhận thấy những tác động tích cực của Hiệp định này trong việc thúc đẩy quan hệ kinh doanh và củng cố niềm tin vào lĩnh vực đầu tư;

- Thừa nhận rằng việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau sẽ có lợi cho việc thúc đẩy sáng kiến kinh doanh và tăng cường sự thịnh vượng ở cả hai Bên ký kết;

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1

ĐỊNH NGHĨA

Theo Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "đầu tư" là mọi loại tài sản đã được nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật của Bên ký kết kia, cụ thể bao gồm nhưng không chỉ là:

a) động sản và bất động sản hoặc bất kỳ quyền tài sản nào như thế chấp, cầm cố, nhận nợ, quyền hưởng hoa lợi và các quyền tương tự;

b) cổ phần, cổ phiếu và bất kỳ hình thức tham gia vào các công ty nào khác;

c) quyền đòi tiền hoặc các quyền đối với hoạt động có giá trị kinh tế;

d) quyền sở hữu trí tuệ đã được xác định rõ trong các hiệp định đa phương của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới mà các Bên ký kết là thành viên như quyền tác giả, sáng chế, nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, nhượng quyền thương mại, kiểu dáng công nghiệp, quy trình kỹ thuật và các quyền tương tự;

e) bất kỳ quyền nào theo pháp luật hoặc theo hợp đồng bao gồm tô nhượng về thăm dò, tinh chế hoặc khai thác tài nguyên;

nhưng đầu tư không bao gồm các quyền đòi tiền phát sinh thuần túy từ:

(i) các hợp đồng thương mại về bán hàng hóa hoặc dịch vụ của thể nhân hoặc doanh nghiệp trên lãnh thổ của một Bên ký kết cho doanh nghiệp trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

(ii) việc cung cấp tín dụng liên quan đến một giao dịch thương mại, như tín dụng thương mại; hoặc

(iii) bất kỳ quyền đòi tiền nào khác không liên quan đến các lợi ích nêu trong các khoản từ a) đến e) nêu trên.

Bất kỳ thay đổi nào về hình thức tài sản theo đó tài sản được đầu tư hoặc tái đầu tư không làm thay đổi tính chất của tài sản đó là một khoản đầu tư phát sinh từ Hiệp định này.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" là:

a) bất kỳ thể nhân nào là công dân của Việt Nam hoặc Ma-rốc theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Vương quốc Ma-rốc và thực hiện đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

b) bất kỳ pháp nhân nào có trụ sở chính trên lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Vương quốc Ma-rốc và được thành lập theo pháp luật của Việt Nam hoặc Ma-rốc và thực hiện đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

3. Thuật ngữ "thu nhập" nghĩa là khoản tiền thu được từ đầu tư bao gồm lợi nhuận, lãi tiền vay, thu nhập từ vốn, cổ tức và phí chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ hoặc phí.

4. Thuật ngữ "lãnh thổ" nghĩa là:

a) Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là lãnh thổ đất liền, các đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, các vùng biển ngoài lãnh hải bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà trên đó Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế.

b) Đối với Vương quốc Ma-rốc: lãnh thổ của Vương quốc Ma-rốc bao gồm bất kỳ vùng biển nào ngoài phạm vi lãnh hải của Vương quốc Ma-rốc mà theo quy định của pháp luật Vương quốc Ma-rốc và phù hợp với pháp luật quốc tế, đã được hoặc sẽ được coi là khu vực mà Vương quốc Ma-rốc có thể thực hiện các quyền liên quan đến đáy biển và vùng đất dưới đáy biển cũng như tài nguyên thiên nhiên của vùng này.

5. Thuật ngữ "Ngoại tệ tự do chuyển đổi" có nghĩa là đồng tiền được sử dụng rộng rãi để thanh toán trong giao dịch quốc tế và được tự do chuyển đổi ở các thị trường tiền tệ quốc tế chính.

ĐIỀU 2

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

1. Mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ của mình sẽ khuyến khích đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia và chấp thuận các khoản đầu tư đó phù hợp với pháp luật của nước mình.

Việc mở rộng, điều chỉnh hoặc thay đổi khoản đầu tư theo luật pháp của Bên ký kết nơi có khoản đầu tư được coi là một khoản đầu tư mới.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho khoản đầu tư được bảo hộ của nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử công bằng và bình đẳng và bảo hộ an toàn và đầy đủ:

Để rõ ràng hơn:

a) đối xử công bằng và bình đẳng yêu cầu mỗi Bên ký kết không từ chối công lý trong bất kỳ quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính nào;

b) bảo hộ an toàn và đầy đủ yêu cầu mỗi Bên ký kết phải thực hiện những biện pháp cần thiết hợp lý để bảo đảm việc bảo hộ và an toàn cho khoản đầu tư được bảo hộ; và

c) khái niệm "đối xử công bằng và bình đẳng" và "bảo hộ an toàn và đầy đủ" không đòi hỏi sự đối xử nằm ngoài hoặc vượt quá sự đối xử theo luật tập quán quốc tế và không tạo ra các quyền bổ sung.

3. Mỗi Bên ký kết sẽ, phù hợp với pháp luật nước mình và các điều khoản về đối xử Tối huệ quốc của Hiệp định này, cam kết đảm bảo không áp dụng các biện pháp bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử, để gây tổn hại đến việc quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình. Mỗi Bên ký kết sẽ tuân thủ bất cứ nghĩa vụ nào của Bên đó phát sinh từ Hiệp định này liên quan đến khoản đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia.

Thu nhập từ đầu tư phù hợp với pháp luật của Bên ký kết nơi có khoản đầu tư sẽ dành được sự bảo hộ như khoản đầu tư ban đầu.

4. Điều khoản này không áp dụng đối với các biện pháp được thực hiện bởi mỗi Bên ký kết vì lý do an ninh công cộng, trật tự công cộng, sức khỏe cộng đồng hoặc bảo vệ môi trường mà các biện pháp này không được áp dụng một cách thiên vị hoặc phân biệt đối xử bất hợp lý.

ĐIỀU 3

ĐỐI XỬ VỚI ĐẦU TƯ

1. Mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ của mình sẽ dành cho đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho đầu tư của nhà đầu tư nước mình hoặc đầu tư của nước được hưởng chế độ tối huệ quốc.

2. Mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ của mình sẽ đảm bảo cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử, liên quan đến việc sử dụng, quản lý, điều hành,

hoạt động, bán hoặc định đoạt bằng cách khác đối với đầu tư của họ, không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho các nhà đầu tư của nước mình hay nhà đầu tư của nước được hưởng chế độ tối huệ quốc.

3. Nguyên tắc đối xử quốc gia theo khoản 1 và khoản 2 trên đây sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật của Bên ký kết nhận đầu tư và trên cơ sở quy định về tối huệ quốc của Hiệp định này. Việc gắn chế độ Đối xử Quốc gia với pháp luật của Bên nhận đầu tư cho phép Bên nhận đầu tư được quyền dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và đầu tư của họ sự đối xử khác biệt với sự đối xử mà Bên nhận đầu tư dành cho nhà đầu tư của nước mình và các khoản đầu tư của họ, nhưng phù hợp với quy định về Tối huệ quốc của Hiệp định này. Bằng quy định này, mỗi Bên ký kết được quyền duy trì một số ngành kinh tế hoặc một số hoạt động dành riêng cho nhà đầu tư của nước mình phù hợp với chính sách phát triển của Bên ký kết đó.

4. Những quy định tại Điều này không được hiểu là buộc một Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia bất kỳ lợi ích từ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào phát sinh từ:

a) bất kỳ liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, hiệp định thương mại tự do, liên minh tiền tệ hoặc các hiệp định kinh tế quốc tế, khu vực, song phương, cũng như các hiệp định quốc tế tương tự mà một Bên ký kết là thành viên hoặc có thể trở thành thành viên;

b) bất kỳ hiệp định quốc tế, khu vực, song phương hoặc thỏa thuận tương tự nào liên quan toàn bộ hoặc chủ yếu đến thuế mà một Bên ký kết là hoặc có thể trở thành thành viên.

ĐIỀU 4

TƯỚC QUYỀN SỞ HỮU VÀ BỒI THƯỜNG

1. Đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ không bị tước quyền sở hữu, quốc hữu hoá hoặc áp dụng bất kỳ biện pháp nào khác có tác dụng như tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hóa (sau đây gọi là "tước quyền sở hữu"), trừ trường hợp vì mục đích công cộng, phù hợp với thủ tục pháp luật, trên cơ sở không phân biệt đối xử, và được đền bù nhanh chóng, thỏa đáng và hiệu quả.

2. Việc đền bù này sẽ có giá trị bằng giá trị thị trường của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu tại thời điểm ngay trước khi việc tước quyền sở hữu xảy ra hoặc dự kiến tước đoạt quyền sở hữu được công bố, tuỳ theo sự kiện nào xảy ra trước.

3. Việc đền bù sẽ được trả không chậm trễ một cách bất hợp lý và bằng đồng tiền tự do chuyển đổi. Trong trường hợp chậm trễ, khoản đền bù sẽ bao gồm cả lãi tiền vay tính theo lãi suất thương mại xác định bởi Bên ký kết nơi có khoản đầu tư, tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày trả tiền trên thực tế.

4. Nhà đầu tư có quyền nhanh chóng đưa tính pháp lý của thủ tục tước quyền sở hữu với đầu tư của mình và việc xác định giá trị đền bù ra xem xét tại một cơ quan tư pháp của Bên ký kết thực hiện việc tước quyền sở hữu.

ĐIỀU 5

BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

Khi nhà đầu tư của một Bên ký kết có khoản đầu tư bị thiệt hại hoặc tổn thất do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang khác, cách mạng, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi loạn, nổi dậy, hoặc sự kiện tương tự khác trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia, nhà đầu tư đó sẽ được Bên ký kết kia dành cho sự đối xử, liên quan đến hoàn trả, đền bù, bồi thường hoặc các giải pháp khác, không phân biệt đối xử và ít nhất tương đương với sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư nước mình hay nhà đầu tư của nước được hưởng chế độ đối xử tối huệ quốc, tuỳ thuộc vào sự đối xử nào thuận lợi hơn cho nhà đầu tư.

ĐIỀU 6

CHUYỂN TIỀN

1. Mỗi Bên ký kết sẽ cho phép nhà đầu tư của Bên ký kết kia được tự do chuyển các khoản thanh toán liên quan đến khoản đầu tư của họ sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế. Việc chuyển tiền sẽ được thực hiện không chậm trễ

một cách bất hợp lý, bằng đồng tiền tự do chuyển đổi. Các khoản thanh toán sẽ bao gồm nhưng không chỉ là:

a) vốn đầu tư và vốn đầu tư bổ sung để duy trì hoặc gia tăng đầu tư;

b) lợi nhuận, cổ tức, tiền lãi, tiền bản quyền và các khoản thu nhập vãng lai khác;

c) các khoản cần thiết để trả cho tiền vay liên quan đến hoạt động đầu tư;

d) các khoản thu được từ việc thanh lý toàn bộ hoặc một phần khoản đầu tư;

e) các khoản bồi thường theo Điều 4 và Điều 5;

f) tiền lương và các khoản thu nhập khác của công dân của một Bên ký kết được phép làm việc trên lãnh thổ của Bên ký kết kia liên quan đến một khoản đầu tư;

g) các khoản thanh toán phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp theo Điều 9.

2. Việc chuyển tiền tại khoản 1 được thực hiện theo tỷ giá hối đoái hiện hành vào ngày chuyển tiền và phù hợp với pháp luật về ngoại hối của Bên ký kết nơi có khoản đầu tư.

3. Mặc dù có các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, một Bên Ký kết có thể áp dụng hoặc duy trì, trên cơ sở không phân biệt đối xử, các biện pháp liên quan đến giao dịch vốn và thanh toán qua biên giới:

a) trong trường hợp có khó khăn nghiệm trọng về cán cân thanh toán và tài chính đối ngoại hoặc có nguy cơ đó; hoặc

b) khi, trong các trường hợp ngoại lệ, việc chuyển dịch vốn gây ra hoặc có nguy cơ gây ra khó khăn nghiêm trọng về quản lý kinh tế vĩ mô, cụ thể là chính sách tiền tệ và chính sách tỷ giá hối đoái; hoặc

c) để bảo vệ các quyền của chủ nợ.

4. Các biện pháp nêu tại khoản 3 Điều này sẽ:

a) không vượt quá những biện pháp cần thiết để xử lý các tình huống nêu tại khoản 3 Điều này;

b) có tính tạm thời và sẽ được loại trừ ngay khi điều kiện cho phép; và

c) được thông báo nhanh chóng cho Bên ký kết kia.

ĐIỀU 7

THẾ QUYỀN

1. Nếu theo một bảo đảm pháp lý hoặc theo hợp đồng đối với các rủi ro phi thương mại liên quan đến đầu tư, nhà đầu tư của một Bên ký kết đã được trả tiền bồi thường, thì Bên ký kết kia sẽ công nhận việc thế quyền của cơ quan bảo hiểm trong việc nhận các quyền của nhà đầu tư đã được bồi thường.

2. Theo bảo đảm đối với khoản đầu tư có liên quan, cơ quan bảo hiểm sẽ được quyền tiếp nhận tất cả các quyền mà nhà đầu tư có thể thực hiện nếu các quyền đó không được chuyển giao cho cơ quan bảo hiểm.

3. Quyền hoặc yêu cầu được thế quyền sẽ không vượt quá quyền hoặc yêu cầu ban đầu của nhà đầu tư.

4. Bất kỳ tranh chấp giữa một Bên ký kết và cơ quan bảo hiểm về khoản đầu tư của nhà đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ được giải quyết theo các quy định tại Điều 9 Hiệp định này.

ĐIỀU 8

ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Nếu pháp luật của một Bên ký kết hoặc công ước theo luật pháp quốc tế đang tồn tại hoặc được xây dựng sau này giữa các Bên ký kết, ngoài phạm vi Hiệp định này, chứa đựng quy định, bất kể là chung hay cụ thể, dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử quy định tại Hiệp định này, các quy định đó sẽ, trong chừng mực tạo thuận lợi hơn cho nhà đầu tư, được ưu tiên áp dụng so với Hiệp định này.

Tranh chấp phát sinh từ các nghĩa vụ theo các thỏa thuận cụ thể sẽ chỉ được giải quyết theo các điều khoản và điều kiện của các thỏa thuận cụ thể đó.

ĐIỀU 9

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA MỘT BÊN KÝ KẾT VÀ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA BÊN KÝ KẾT KIA

1. Bất kỳ tranh chấp pháp lý nào theo các điều khoản của Hiệp định này phát sinh trực tiếp từ một khoản đầu tư giữa một Bên ký kết (Bên ký kết tranh chấp) và nhà đầu tư của Bên ký kết kia (nhà đầu tư tranh chấp) sẽ được giải quyết, trong chừng mực có thể, một cách thân thiện thông qua thương lượng và đàm phán giữa các bên tranh chấp.

2. Nếu tranh chấp đầu tư tại khoản 1 không giải quyết được bằng thỏa thuận trực tiếp giữa các bên tranh chấp trong vòng sáu (6) tháng kể từ ngày tranh chấp được nêu ra trong một thông báo bằng văn bản, nhà đầu tư có thể đệ trình lên trọng tài hoặc tòa án nêu tại khoản 3 khiếu kiện nêu rõ:

a) Bên ký kết tranh chấp đã vi phạm một hoặc nhiều một nghĩa vụ theo Hiệp định này liên quan đến quản lý, điều hành, hoạt động, bán hoặc định đoạt bằng cách khác khoản đầu tư của nhà đầu tư tranh chấp, và

b) nhà đầu tư tranh chấp đã chịu thiệt hại hoặc tổn thất phát sinh từ vi phạm đó.

3. Tùy theo lựa chọn của nhà đầu tư, khiếu kiện tại khoản 2 sẽ được đưa ra:

a) tòa án có thẩm quyền của Bên ký kết mà lãnh thổ của Bên đó là nơi đầu tư được thực hiện; hoặc

b) trọng tài của Trung tâm quốc tế về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư (ICSID), thành lập theo "Công ước về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư giữa Nhà nước và Công dân của Nhà nước khác" ký tại Washington ngày 18 tháng 3 năm 1965, nếu Công ước có hiệu lực với cả hai Bên ký kết, hoặc theo Cơ chế Phụ trợ của ICSID nếu Công ước chưa có hiệu lực với một trong hai Bên ký kết; hoặc

c) một Tòa Trọng tài theo vụ việc (ad hoc) được thành lập theo Quy tắc Trọng tài của Ủy ban Luật Thương mại Quốc tế của Liên Hợp quốc (UNCITRAL).

4. Nếu nhà đầu tư đã đưa tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền của Bên ký kết mà lãnh thổ của Bên đó là nơi đầu tư được thực hiện hoặc một trong các thủ tục trọng tài nêu tại các điểm từ 2 b) đến 2 c) của Điều này, việc lựa chọn quy trình tố tụng đó sẽ là cuối cùng.

5. Không Bên ký kết nào, khi là một bên của tranh chấp, có thể đưa ra phản đối, tại bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng trọng tài hoặc của quá trình thi hành phán quyết trọng tài, trên cơ sở rằng nhà đầu tư là một bên tranh chấp đã nhận được khoản đền bù cho một phần hoặc toàn bộ thiệt hại của mình do đã bảo hiểm.

6. Tòa trọng tài sẽ giải quyết dựa trên các điều khoản theo luật pháp của Bên ký kết tham gia tranh chấp, bao gồm những quy định về xung đột pháp luật, các điều khoản của Hiệp định này cũng như các nguyên tắc của luật quốc tế.

7. Quyết định của trọng tài sẽ là cuối cùng và bắt buộc đối với các bên tranh chấp. Mỗi Bên ký kết sẽ thực hiện quyết định trọng tài phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó.

ĐIỀU 10

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT

1. Tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan đến giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết, trong chừng mực có thể, thông qua con đường ngoại giao.

2. Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng sáu (6) tháng kể từ khi bắt đầu đàm phán thì tranh chấp đó sẽ được trình lên một Tòa trọng tài theo yêu cầu của bất kỳ Bên ký kết nào.

3. Tòa trọng tài sẽ được thành lập theo cách thức sau: Mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một trọng tài, hai trọng tài này sẽ lựa chọn một công dân của nước thứ ba làm chủ tịch Tòa trọng tài. Các trọng tài này được cử trong vòng 3 tháng, chủ tịch Tòa trọng tài được cử trong vòng 5 tháng kể từ ngày các Bên ký kết thông báo cho nhau về việc đệ trình tranh chấp lên Tòa trọng tài.

4. Nếu những chỉ định cần thiết không được thực hiện trong thời hạn ghi tại khoản 3 Điều này, mỗi Bên ký kết có thể yêu cầu Chủ tịch Tòa án quốc tế thực hiện sự chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch Tòa án quốc tế là công dân của một Bên ký kết hoặc vì một lý do nào khác không thể thực hiện được chức năng này, Phó chủ tịch sẽ được mời thực hiện các chỉ định cần thiết.

Nếu Phó chủ tịch là công dân của một Bên ký kết hoặc cũng vì một lý do nào đó không thể thực hiện được chức năng nêu trên thì thành viên cao cấp

tiếp theo của Tòa án quốc tế mà không phải là công dân của các Bên ký kết sẽ được mời thực hiện sự chỉ định cần thiết.

5. Tòa trọng tài sẽ phán quyết theo các quy định của Hiệp định này, theo các quy định và nguyên tắc của luật quốc tế. Tòa trọng tài sẽ quyết định theo đa số. Quyết định đó sẽ là cuối cùng và bắt buộc đối với các Bên ký kết.

6. Tòa trọng tài sẽ quy định các thủ tục của mình.

7. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu các chi phí cho trọng tài do mình chỉ định và cho việc tham gia tố tụng trọng tài của mình. Chi phí cho Chủ tịch và các chi phí khác sẽ được chia đều cho các Bên ký kết.

ĐIỀU 11

ÁP DỤNG

Hiệp định này sẽ áp dụng cho tất cả các khoản đầu tư thực hiện trước hay sau khi Hiệp định này có hiệu lực bởi nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó. Tuy nhiên, Hiệp định này không áp dụng cho các tranh chấp phát sinh trước khi Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 12

THỜI ĐIỂM CÓ HIỆU LỰC, THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 sau khi nhận được thông báo cuối cùng trong hai thông báo bằng văn bản liên quan đến việc các Bên ký kết hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết của nước mình để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời hạn 10 năm và sau đó tiếp tục có hiệu lực trừ khi một trong hai Bên ký kết thông báo cho Bên ký kết kia bằng văn bản về ý định chấm dứt Hiệp định này trong vòng 12 tháng trước khi chấm dứt thời hạn 10 năm đầu hoặc bất kỳ thời gian nào sau đó.

3. Đối với đầu tư được thực hiện trước ngày Hiệp định này chấm dứt hiệu lực, các quy định của các Điều từ 1 đến 11 sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn mười (10) năm kể từ ngày Hiệp định chấm dứt hiệu lực.

Để làm chứng, những người ký tên dưới đây được ủy quyền hợp lệ của Chính phủ mình, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Rabat, ngày 15 tháng 6 năm 2012, thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng A-rập và tiếng Anh; các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**Thay mặt Chính phủ Vương quốc Ma-rốc**
BÙI THANH SƠN	NIZAR BARAKA
Thứ trưởng Bộ Ngoại giao	Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF MOROCCO

ON THE PROMOTION AND PROTECTION OF INVESTMENTS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Kingdom of Morocco hereinafter referred to as the "Contracting Parties";

- Desiring to intensify economic cooperation by creating favourable conditions to make investments by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party;

- Considering the beneficial influence which such an Agreement will exert to promote business contacts and to reinforce confidence in the investments field;

- Recognizing that the promotion and reciprocal protection of investments shall be conducive to stimulate business initiatives and to increase economic prosperity in both Contracting Parties,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

DEFINITIONS

For the purpose of this Agreement:

1. The term "Investment" means every kind of assets invested by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party in accordance with the laws and regulations of the latter Contracting Party and shall include, in particular, though not exclusively:

a) movable and immovable property and any other property rights such as mortgages, liens, pledges, usufructs and similar rights;

b) shares, securities and any other form of participation in companies;

c) claims to money or to any other performance having an economic value;

d) intellectual property rights, as defined in the multilateral agreements concluded under the auspices of the World Intellectual Property Organization, in as far as both Contracting Parties are Parties to them, including copyrights, patents, trademarks, trade names, franchises, industrial designs, technical processes and other similar rights.

e) any rights conferred by law or by contract, including concessions to search for, extract or exploit natural resources;

but investment does not mean claims to money that arise solely from:

(i) commercial contracts for the sale of goods or services by a national or enterprise in the territory of a Contracting Party to an enterprise in the territory of the other Contracting Party; or

(ii) the extension of credit in connection with a commercial transaction, such as trade financing; or

(iii) any other claims to money, that do not involve the kinds of interests set out in subparagraphs (a) through (e) above.

Any change of the legal form in which assets are invested or reinvested shall not affect their character as investment in the sense of this Agreement.

2. The term "Investor" means:

a) any natural person having Vietnamese or Moroccan nationality under the law of the Socialist Republic of Viet Nam or the Kingdom of Morocco respectively and making an investment in the territory of the other Contracting Party;

b) any legal person having its head office in the territory of the Socialist Republic of Viet Nam or the Kingdom of Morocco and constituted under Vietnamese or Moroccan law respectively and making an investment in the territory of the other Contracting Party.

3. The term "Returns" means the amounts yielded by an investment such as profits, interests, capital gains, dividends and royalties or fees.

4. The term "Territory" means:

a) with respect to the Socialist Republic of Viet Nam, its land territory, islands, internal waters, territorial sea and airspace above them, the maritime areas beyond territorial sea including seabed and subsoil thereof over which the Socialist Republic of Viet Nam exercises sovereignty, sovereign rights and jurisdiction in accordance with national legislation and international law.

b) with respect to the Kingdom of Morocco: the territory of the Kingdom of Morocco including any maritime area situated beyond the territorial waters of the Kingdom of Morocco and which has been or might be afterwards designated by the law of the Kingdom of Morocco, according to international law, as being an area into which the Kingdom of Morocco may exercise rights with regard to the sea bed and maritime subsoil as well as the natural resources.

5. The term "Freely convertible currency" means the currency that is widely used to make payments for international transactions and widely exchanged in principal international exchange markets.

ARTICLE 2

PROMOTION AND PROTECTION OF INVESTMENTS

1. Each Contracting Party shall in its territory encourage investments by investors of the other Contracting Party and shall admit such investments in accordance with its laws and regulations.

Extension, modification or transformation of an investment, made in accordance with the laws and regulations in force of the Contracting Party on which territory the investment is made, is considered as a new investment.

2. Each Party shall accord to covered investments of investors of any other Party fair and equitable treatment and full protection and security.

For greater certainty:

(a) fair and equitable treatment requires each Party not to deny justice in any legal or administrative proceedings;

(b) full protection and security requires each Party to take such measures as may be reasonably necessary to ensure the protection and security of the covered investments; and

(c) the concepts of "fair and equitable treatment" and "full protection and security" do not require treatment in addition to or beyond that which is provided under the customary international law and do not create additional substantive rights.

3. Subject to its laws and regulations and in accordance with the provisions on the Most Favoured Nation treatment provided for in this Agreement, each Contracting party shall commit to ensure that the management, maintenance, use, enjoyment or disposal of investments of investors of the other Contracting Party on its territory shall not be impaired by unreasonable or discriminatory measures. Each Contracting Party shall observe any legal obligation arising out of this Agreement it may have entered into with regard to investments of investors of the other Contracting Party.

Investment returns, in case of their reinvestment in accordance with the laws and regulations of the Contracting Party on which territory investment is made, shall enjoy the same protection as the initial investment.

4. This article shall not apply to measures that have to be taken by either Contacting Party for reasons public security, order or public health or protection of environment provided that such measures are not applied in a manner which would constitute a means of arbitrary or unjustified discrimination

ARTICLE 3

TREATMENT OF INVESTMENTS

1. Each Contracting Party shall in its territory accord to investments by investors of the other Contracting Party a treatment which is not less

favourable than that which it accords, in like circumstances, to investments of its own investors or to investments of the most favoured nation.

2. Each Contracting Party shall in its territory ensure to investors of the other Contracting Party, concerning the use, management, conduct, operation, and sale or other disposition of their investments, a treatment not less favourable than that which it accords, in like circumstances, to its own investors or to investors of the most favoured nation.

3. The national treatment, as provided in paragraph (1) and (2) above, shall be accorded in accordance with the applicable laws and regulations of the host Contracting Party and in accordance with the provisions on the Most Favoured Nation treatment provided for in this Agreement. The linking of national treatment to the applicable laws and regulations of the host Contracting Party preserves the right of the host Contracting Party to apply a treatment to investors of the other Contracting Party and their investments different than that which applies to its own investors and their investments and in accordance with the provisions on the Most Favoured Nation treatment provided for in this Agreement. In this way each Contracting Party may maintain any economic sector or activity as reserved for its own investors within the framework of its development policy.

4. The provisions of this Article shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors of the other Contracting Party the benefit of any treatment, preference or privilege resulting from:

(a) any customs union, economic union, free trade area, monetary union, or other from of international, regional and bilateral economic agreement or other similar international agreement, to which either of the Contracting Parties is or may become a party;

(b) any international, regional or bilateral agreement or other similar arrangement to which either of the Contracting Parties is or may become a party relating wholly or mainly to taxation.

ARTICLE 4

EXPROPRIATION AND COMPENSATION

1. Investments of investors of either Contracting Party in the territory of the other Contracting Party shall not be expropriated, nationalized or subject to measures having an equivalent effect (hereinafter referred to "expropriation")

except for a public purpose, in accordance with due process of law, on a non-discriminatory basis and against prompt, adequate and effective compensation.

2. Such compensation shall amount to the market value of the expropriated investment immediately before expropriation has taken place or become public knowledge whichever is the earlier.

3. Compensation shall be paid without undue delay and shall be transferable in freely usable currency. In case of a late payment, the compensation shall include interest at the rate determined by the Contracting Party on which territory the investment is made, from the due date until the date of payment.

4. The investor shall have the right to a prompt review of the legality of the administrative procedure of expropriation and the valuation of the amount of compensation by a judicial authority of the Contracting Party making the expropriation.

ARTICLE 5

COMPENSATION FOR LOSSES

Investors of one of the Contracting Parties whose investments suffer damages or losses owing to war or any other armed conflict, revolution, a state of national emergency, riot, revolt or other similar events in the territory of the other Contracting Party, shall be accorded by the latter Contracting Party a non discriminatory treatment which is at least equal to that accorded to its own investors or to investors of the most favoured nation, whichever is more favourable, as regards to restitutions, compensations, indemnifications or other settlements.

ARTICLE 6

TRANSFER OF PAYMENTS

1. Each Contracting Party shall permit to investors of the other Contracting Party, after discharging of their tax obligations, to transfer payments related to their investments. Such transfers shall be made, without undue delay, in convertible currency and shall include, in particular, but not exclusively:

a) a capital or an additional amount aiming to maintain or increase an investment;

b) profits, dividends, interests, royalties and other current returns;

c) amounts necessary to repayment of loans related to investments;

d) proceeds from the total or partial liquidation of an investment;

e) compensations under Articles 4 and 5;

f) salaries and other remunerations going to nationals of one Contracting Party who have been allowed to work in the territory of the other Contracting Party in connection with an investment;

g) payments resulting from the settlement of disputes under Article 9.

2. Transfers referred to in paragraph 1 shall be made at the exchange rate applicable on the date of transfer and under the current exchange regulations of the Contracting Party on which territory investment is made.

3. Notwithstanding paragraphs 1 and 2 of this Article, either Contracting Party may, on non-discriminatory basis, adopt or maintain measures relating to cross-border capital and payment transactions:

a) in the event of serious balance of payments and external financial difficulties or threat thereof; or

b) in cases where, in exceptional circumstances, movements of capital cause or threaten to cause serious difficulties for macroeconomic management, in particular monetary and exchange rate policies; or

c) to protect the rights of creditors.

4. Measures referred to in paragraph 3 of this Article shall:

a) not exceed those necessary to deal with the circumstances set out in paragraph 3 of this Article;

b) be temporary and shall be eliminated as soon as conditions permit it; and

c) be promptly notified to the other Contracting Party.

ARTICLE 7
SUBROGATION

1. If under a legal or contractual guarantee covering non commercial risks of investments, indemnities are paid to an investor of one of the Contracting Parties, the other Contracting Party recognize the subrogation of the insurer in the rights of the indemnified investor.

2. According to the guarantee given to the concerned investment, the insurer shall be entitled to claim all the rights that the investor might exercise if those rights had not been subrogated to the insurer.

3. The subrogated rights or claims shall not exceed the original rights or claims of the investor.

4. Any dispute between one Contracting Party and the insurer of investment of an investor of the other Contracting Party shall be settled in accordance with the provisions of Article 9 of this Agreement.

ARTICLE 8

APPLICATION OF OTHER RULES

If the legislation of either Contracting Party or conventions under international law existing at present or established hereinafter between the Contracting Parties in addition to this Agreement contain a regulation, whether general or specific, entitling investments by investors of the other Contracting Party to a treatment more favourable than that provided for by this Agreement, such regulations shall, to the extent that it is more favourable, prevail over this Agreement.

The disputes arising from obligations under particular agreements shall be settled only under the terms and conditions of these agreements.

ARTICLE 9

SETTLEMENT OF DISPUTES BETWEEN A CONTRACTING PARTY AND AN INVESTOR OF THE OTHER CONTRACTING PARTY

1. A legal dispute under the provisions of this Agreement arising directly out of an investment, between one Contracting Party (disputing Party) and an

investor of the other Contracting Party (disputing investor) shall be settled, as far as possible, amicably, through consultations and negotiations between the parties to dispute.

2. If an investment dispute referred in paragraph 1 cannot be settled through direct arrangement between the parties in the dispute within six months from the date of its written notification, the disputing investor referred to in paragraph 1 may submit to arbitration or tribunal under paragraph 3 a claim that:

a) the disputing Party has breached one or more of its obligation under this Agreement related to the management, conduct, operation or sale or other disposition of investment of the disputing investor, and

b) the disputing investor has incurred loss or damage by reason of that breach

3. A claim referred to in paragraph 2 shall be submitted, at the disputing investor' choice, either to:

a) the competent court of the Contracting Party on which territory the investment is made; or

b) the arbitration by the International Centre for Settlement of Investment Disputes (ICSID), established by the "Convention for the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of other States" opened for signature at Washington on March 18th 1965, provided that the said Convention has entered into force for both Contracting Parties, or according to Additional Facility Rules of the ICSID if the said Convention has not entered into force for either of the Contracting Parties; or

c) an ad hoc arbitration tribunal established under the Arbitration Rules of the United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL)

4. Once the investor has submitted the dispute to the competent court of the Contracting Party on which territory the investment is made or to one of the arbitration procedures stipulated in paragraphs 2(b) and 2(c) of this Article, the choice is final.

5. Neither of the Contracting Parties, which is a party to the dispute, cannot raise an objection, at any stage of the arbitration proceedings or of the enforcement of an arbitration award, on the fact that the investor, which is the other party to the dispute, has received an indemnity covering wholly or partially his losses under an insurance policy.

6. The arbitral tribunal shall rule on the basis of national law of the Contracting Party involved in the dispute on which territory the investment is made, including the rules relating to conflicts of law, the provisions of this Agreement as well as principles of international law.

7. Arbitral decisions shall be final and binding on either party to the dispute. Each Contracting Party commits to enforce such decisions in accordance with its national law.

ARTICLE 10

SETTLEMENT OF DISPUTES BETWEEN THE CONTRACTING PARTIES

1. Any dispute between the Contracting Parties regarding interpretation or application of this Agreement shall be settled, as far as possible, between the Contracting Parties through diplomatic channels.

2. If the dispute cannot be settled within six months from the beginning of the negotiations, it shall be submitted to an arbitral tribunal at the request of either Contracting Party.

3. The arbitral tribunal shall be constituted as follows: each Contracting Party shall appoint one arbitrator, and these two arbitrators shall agree upon a national of a third State to be appointed as Chairman of the tribunal. The arbitrators shall be appointed within three months and the Chairman within five months from the date on which either Contracting Party has informed the other Contracting Party of its intention to submit the dispute to an arbitral tribunal.

4. If within the periods specified in paragraph (3) of this Article the necessary appointments have not been made, either Contracting Party may invite the President of the International Court of Justice to make the necessary appointments. If the President of the International Court of Justice is a national of one of the Contracting Parties or if he is otherwise prevented from discharging the said function, the Vice President of the International Court of Justice shall be invited to make the necessary appointments.

If the Vice President is a national of one of the Contracting Parties or if he is also prevented from discharging the said function, the member of the

International Court of Justice next in seniority who is not a national of the Contracting Parties shall be invited to make the appointments.

5. The arbitral tribunal shall rule on the basis of the provisions of this Agreement and rules and principles of international law. The tribunal shall reach its decision by a majority of votes. The decision shall be final and binding on both Contracting Parties.

6. The tribunal shall determine its own procedure.

7. Each Contracting Party shall bear the costs of its arbitrator and its representation to the arbitral proceedings. The cost of the Chairman and any other costs shall be borne in equal parts by the Contracting Parties.

ARTICLE 11

APPLICATION

This Agreement shall apply to all investments made before or after its entry into force by investors of either Contracting Party in the territory of the other Contracting Party in accordance with its laws and regulations. However, this Agreement shall not apply to the disputes arising before its entry into force.

ARTICLE 12

ENTRY INTO FORCE, DURATION AND TERMINATION

1. This Agreement shall enter into force thirty days after the receipt of the last of the two written notifications concerning the fulfilment by the two Contracting Parties of the respective constitutional procedures required in their two countries.

2. This Agreement shall remain in force for a period of ten (10) years, and shall continue in force, unless one of the Contracting Parties notifies the other in writing of its intention to terminate the Agreement in twelve (12) months before the expiration of the initial ten (10) years period or any time thereafter.

3. In respect of investments made prior to the date of termination of this Agreement, the provisions of Article 1 to 11 shall remain in force for a further period of ten (10) years from the date of termination of this Agreement.

In witness thereof the undersigned, duly authorized by their respective Governments, have signed this Agreement.

Done in duplicate at on in the Vietnamese, Arabic and English languages, all texts being equally authentic. In the case of divergence between the texts of this Agreement, the English text shall prevail.

For the Government of the Socialist Republic of Viet Nam

BUI THANH SON

Deputy Minister of Foreign Affairs

For the Government of Kingdom of Morocco

NIZAR BARAKA

Minister of Economy and Finance